TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 55/2021/QĐST- HNGĐ	*Tam Nông, ngày 15 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số:64/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu Tân Hưng, thị trấn H , huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: **Anh Trần Anh T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu Tân Hưng, thị trấn H , huyện T, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung:

+ Giao con chung chưa thành niên là Trần T N, sinh ngày 14/8/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục.

+ Giao con chung chưa thành niên là Trần Quang V, sinh ngày 23/7/2012 cho anh Trần Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục.

Chị H, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh T đ□ợc quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con chung không ai đ□ợc quyền cản trở.

Về tài sản chung: Chị H, anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng; Về nợ và cho vay nợ; Về công sức đóng góp: Chị H, anh T đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm

nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003005 ngày 26/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- UBND TT Hưng Hóa;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu H